



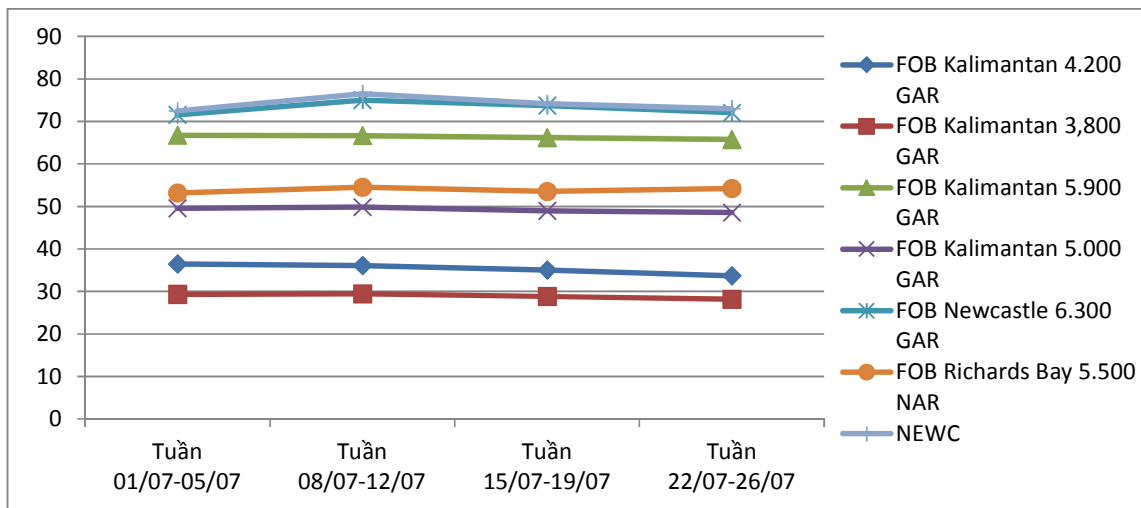
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CUNG ỨNG NHIÊN LIỆU ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
BẢN TIN NHIÊN LIỆU TUẦN 4 - THÁNG 7
(22/07 – 26/07)

I. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG THAN

1. GIÁ THAN KHU VỰC

Đơn vị tính: USD/tấn

Chỉ số giá than khu vực	Tuần 01/07-05/07	Tuần 08/07-12/07	Tuần 15/07-19/07	Tuần 22/07-26/07
FOB Kalimantan 4,200 GAR	36,47	36,13	35,05	33,72
FOB Kalimantan 3,800 GAR	29,31	29,44	28,82	28,17
FOB Kalimantan 5,900 GAR	66,71	66,67	66,16	65,72
FOB Kalimantan 5,000 GAR	49,52	49,85	48,96	48,54
FOB Newcastle 6,300 GAR	71,54	75,05	73,74	72,04
FOB Richards Bay 5,500 NAR	53,18	54,51	53,54	54,21
NEWC (FOB Newcastle 6000 NAR)	72,48	76,51	74,2	72,98



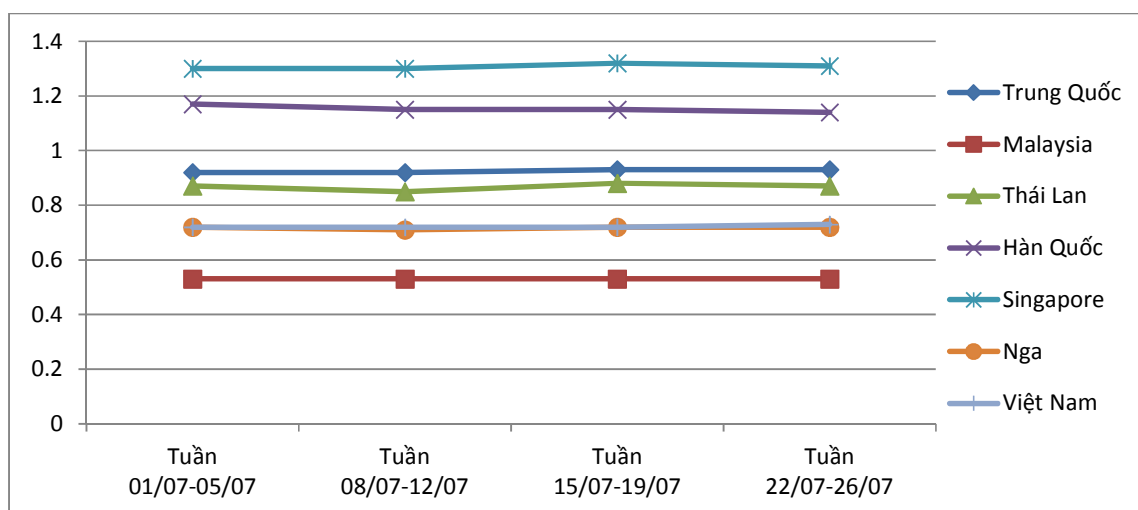
Biểu đồ 1: Giá than trung bình khu vực đến tuần 4 tháng 7 (2019)

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

2. GIÁ DẦU DO KHU VỰC

Đơn vị: USD/lít

Chỉ số giá dầu DO quốc tế	Tuần 01/07-05/07	Tuần 08/07-12/07	Tuần 15/07-19/07	Tuần 22/07-26/07
Trung Quốc	0,92	0,92	0,93	0,93
Malaysia	0,53	0,53	0,53	0,53
Thái Lan	0,87	0,85	0,88	0,87
Hàn Quốc	1,17	1,15	1,15	1,14
Singapore	1,3	1,3	1,32	1,31
Nga	0,72	0,71	0,72	0,72
Việt Nam	0,72	0,72	0,72	0,73



Biểu đồ 2: Giá dầu DO trung bình khu vực đến tuần 4 tháng 7 (2019)

(Nguồn: <https://www.globalpetrolprices.com>)

3. CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

	Cước vận tải tuần 4 tháng 7	22/07	23/07	24/07	25/07	26/07
Tàu Capesize (150,000 tấn)						
1	Úc – Trung Quốc	13,60	13,00	12,75	11,45	11,80
2	Queensland – Nhật Bản	15,70	15,00	14,70	13,10	13,55
3	New South Wales – Hàn Quốc	16,70	16,00	15,70	14,10	14,55
Tàu Panamax (70,000 tấn)						
1	Richards Bay - Tây Ấn Độ	15,20	15,20	15,20	15,10	15,10
2	Kalimantan - Tây Ấn Độ	11,20	11,20	10,90	10,75	10,60
3	Richards Bay - Đông Ấn Độ	15,45	15,45	15,45	15,35	15,35
4	Kalimantan - Đông Ấn Độ	9,50	9,50	9,20	9,05	8,90
5	Úc - Trung Quốc	14,95	14,95	14,50	14,35	14,35
6	Úc - Ấn Độ	17,10	17,00	15,70	15,55	15,55

(Nguồn: Platts Coal Trader International)

II. ĐIỂM TIN

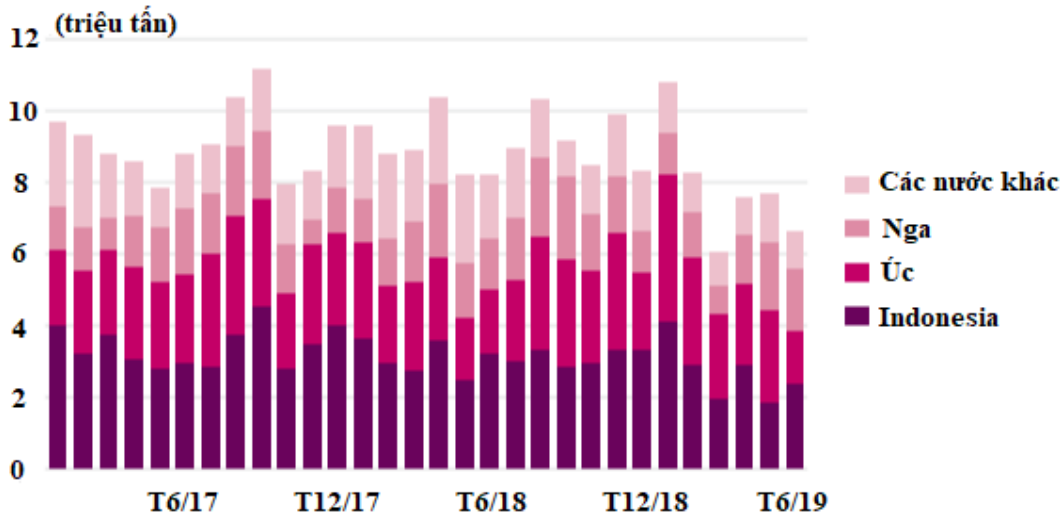
Hàn Quốc nhập khẩu 47 triệu tấn than nhiệt trong nửa đầu năm, giảm 14% so với năm trước

Hàn Quốc đã nhập khẩu 47 triệu tấn than nhiệt trong sáu tháng đầu năm 2019, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu hải quan mới nhất. Hoạt động nhập khẩu than ở Hàn Quốc và toàn bộ khu vực Đông Bắc Á đã lâm vào tình trạng suy thoái do sự kết hợp của thời tiết ôn hòa, nhu cầu tiêu thụ điện giảm, giá LNG cạnh tranh hơn và xu hướng chuyển sang các nhiên liệu tái tạo để thay thế cho than, theo S&P Global Analytics.

Trong số các nước xuất khẩu than lớn cho Hàn Quốc, hầu hết đều giảm khối lượng cung cấp trong giai đoạn này. Cụ thể Indonesia cung cấp 16,12 triệu tấn, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước, Nga cung cấp 8,11 triệu tấn, giảm 11%. Ngược lại, mức nhập khẩu từ Úc tăng so với cùng kỳ năm trước, điều này có thể được giải thích bởi quy định hạn chế nhập khẩu tại các cảng Trung Quốc đã khiến than Úc phải chuyển hướng sang các thị trường khác. Cụ thể Úc cung cấp 15,83 triệu tấn, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra khối lượng than từ các nước khác giảm mạnh so với năm trước, đáng chú ý là Nam Phi và Hoa Kỳ. Khối lượng từ Nam Phi đạt 1,65 triệu tấn, giảm 69% và khối lượng từ Mỹ chỉ đạt 75.647 tấn, giảm 92%.

Trong tháng 6, tổng lượng than nhập khẩu của Hàn Quốc đạt 6,66 triệu tấn, một trong những tháng nhập khẩu ít nhất kể từ khi Platts bắt đầu thu thập dữ liệu vào năm 2012, giảm 13% so với tháng 5 và 19% so với cùng kỳ năm trước. Mức nhập khẩu từ Indonesia tăng lên 2,37 triệu tấn, tăng 27% so với tháng 5 và giảm 26% so với cùng kỳ năm 2018. Mức nhập khẩu từ Úc đạt 1,5 triệu tấn, tháng nhập khẩu ít nhất kể từ khi Platts bắt đầu thu thập dữ liệu vào năm 2014, giảm 42% so với tháng 5 và 17% so với cùng kỳ năm trước. Mức nhập khẩu từ Nga đạt 1,7 triệu tấn, giảm 9% so với tháng 5 nhưng tăng 20% so với cùng kỳ năm 2018.

Tình hình nhập khẩu than của Hàn Quốc



Nước xuất khẩu	06 tháng đầu 2019 (triệu tấn)	Thay đổi theo năm (%)	Tháng 6 (triệu tấn)	Thay đổi theo tháng (%)	Thay đổi theo năm (%)
Indonesia	16.121	-13,44	2.373	26,78	-25,75
Úc	15.830	20,27	1.498	-41,66	-17,41
Nga	8.109	-11,21	1.703	-9,47	19,58
Canada	2.499	-29,98	0.516	75,05	63,15
Nam Phi	1.648	-68,98	0	-100,00	-100,00
Mỹ	0.076	-91,87	0	N/A	-100,00

Các nước khác	0.440	-46,49	0.051	23,64	-27,41
Tổng cộng	47.001	-13,17	6.656	-13,31	-19,02

Sản lượng than của Trung Quốc trong tháng 6 tăng 10% so với cùng kỳ năm trước

Tổng sản lượng than của Trung Quốc trong tháng 6 đã bật tăng so với tháng trước do phần lớn các công ty khai thác trong nước tăng cường sản xuất trước thời kỳ cao điểm mùa hè, theo dữ liệu từ Cục Thống kê Quốc gia (NBS). Theo NBS, Trung Quốc đã khai thác khoảng 330 triệu tấn than nguyên khai vào tháng 6, tăng 10,4% so với tháng 6 năm trước và tăng 6,5% so với 310 triệu tấn của tháng 5. Trong sáu tháng đầu năm, Trung Quốc đã sản xuất được tổng cộng 1,76 tỷ than, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Sản lượng gia tăng nhờ các khu vực khai thác than lớn của Trung Quốc nổi lại sản xuất sau nhiều tháng bị gián đoạn vì kiểm tra mỏ. Trong tháng trước, chính quyền đã thúc giục các công ty khai thác than lớn tăng sản lượng than chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu trong mùa hè cao điểm. Tổng lượng than nhập khẩu của Trung Quốc trong tháng 6 đã giảm 1,4% so với tháng 5, mặc dù con số này vẫn cao hơn 6,4% so với cùng kỳ năm trước, theo dữ liệu hải quan. Trong khi đó, sản lượng điện trong tháng 6 đã tăng 2,8% so với năm trước lên 583,4 tỷ kwh, dữ liệu của NBS cho thấy. Trong đó sản lượng điện than tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước, sản lượng điện từ nhiên liệu sạch tiếp tục được mở rộng. Sản lượng điện hạt nhân, thủy điện, gió và mặt trời lần lượt tăng 17,8%, 6,9%, 11,9% và 7,4%, theo dữ liệu.

(Nguồn: S&P Global Platts)

Trung Quốc tăng cường xuất khẩu dầu phủ bóng đen lên triển vọng toàn ngành ở Châu Á

Việc Trung Quốc tăng cường xuất khẩu dầu đã trở thành mối đe dọa lớn với triển vọng của ngành công nghiệp lọc hóa dầu trên toàn Châu Á, vốn đang dần phục hồi trước những thay đổi lớn trong ngành vận tải biển. Trung Quốc đã tăng hạn ngạch xuất khẩu các sản phẩm dầu tinh chế cho năm 2019, phân bổ 6 triệu tấn trong quý III. Tổng hạn ngạch ba quý đầu năm đạt 48,15 triệu tấn, tăng từ 43 triệu tấn cùng kỳ năm ngoái. Trung Quốc phân bổ hạn ngạch xuất khẩu theo quý trong suốt cả năm và đã tăng đều đặn kể từ năm 2015 khi công suất lọc dầu bắt đầu vượt quá nhu cầu trong nước. Không điều gì đảm bảo hạn ngạch sẽ được sử dụng hết nhưng mức xuất khẩu dầu tinh chế của Trung Quốc đã đạt 32,52 triệu tấn trong nửa đầu năm nay, tăng 7,3% so với cùng kỳ năm 2018. Hạn ngạch được cấp cho bốn doanh nghiệp của nhà nước bao gồm tập đoàn lọc dầu Sinopec, PetroChina, tập đoàn Sinoool và tập đoàn CNOOC. Các doanh nghiệp tư nhân như tập đoàn lọc hóa dầu Hengli, đạt công suất 400.000 thùng mỗi ngày (bpd) trong năm nay, không nhận được hạn ngạch. Tuy nhiên nếu Hengli không được cấp hạn ngạch, doanh nghiệp này sẽ thế chỗ những doanh nghiệp được phép xuất khẩu để tiêu thụ trong nước. Điều này có nghĩa Trung Quốc có thể sẽ tiếp tục tăng hạn ngạch xuất khẩu xăng, dầu diesel và dầu hỏa vào thị trường Châu Á.

Số liệu của hải quan Trung Quốc cho thấy mức xuất khẩu dầu diesel trong nửa đầu năm 2019 cao hơn 18,2% so với cùng kỳ năm trước, đạt khoảng 496.000 bpd, trong khi dầu hỏa tăng vọt 21,9% lên 364.000 bpd. Xuất khẩu xăng của Trung Quốc đã giảm 8,8% trong nửa đầu năm xuống còn khoảng 318.000 bpd, nhưng hạn ngạch mới được cấp cho thấy có khả năng những mặt hàng này sẽ tăng trong nửa cuối năm nay. Việc này có thể gây áp lực lên tỷ suất lợi nhuận từ lọc hóa dầu tại Châu Á, vốn đang phục hồi trong những tuần gần đây, lợi nhuận từ việc chế biến một thùng dầu thô ở Singapore đạt 9,37 USD vào tháng 7, cao nhất trong gần hai năm. Kể từ đó giá đã giảm dần xuống còn 6,09 USD/thùng, nhưng con số này vẫn cao hơn nhiều so với mức đáy 1,52 USD hồi cuối tháng 1 của năm nay.

(Nguồn: <https://uk.reuters.com/article/uk-column-russell-refineries-asia/column-china-fuel-exports-cast-shadow-over-asian-refining-outlook-idUKKCN1UK00A>)